

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ GIÁO
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/2024/DS-ST

Ngày 05/8/2024

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Phương Dung;

Bà Trần Thị Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Linh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30 tháng 7 và ngày 05 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2024/TLST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2024/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q (viết tắt là V1). Trụ sở chính: Tầng 1 (tầng trệt) và tầng 2, Tòa nhà Sailing Tower, số A, đường P, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V - Chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Q.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hàn Ngọc V: Bà Trần Thị Thu H - Chức vụ: Giám đốc Trung tâm Q1 - Khối Ngân hàng Bán lẻ V1 (Theo Giấy ủy quyền số 006325.23 ngày 27 tháng 01 năm 2023 của Ngân hàng TMCP Q)

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Thu H:

- Ông Hà Văn K - Chức vụ: Cán bộ Ngân hàng TMCP Q. Vắng mặt;
- Bà Trần Thị T - Chức vụ: Cán bộ Ngân hàng TMCP Q. Vắng mặt;
- Ông Lưu Duy L - Chức vụ: Cán bộ Ngân hàng TMCP Q. Có mặt.
- Bà Đậu Thị T1 - Chức vụ: Cán bộ Ngân hàng TMCP Q. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ liên hệ: Tầng F, Tòa nhà P, số B, đường U, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Giấy ủy quyền số 032998.24 ngày 26 tháng 02 năm 2024 của Ngân hàng TMCP Q).

- *Bị đơn:*

1. Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1984. Địa chỉ: Tổ D, khu phố B, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

2. Ông Vương Hoàng P, sinh năm 1979. Địa chỉ: Tổ D, khu phố B, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q trình bày:

Ngân hàng TMCP Q (V1) đã ký với bà Nguyễn Thị L1 và ông Vương Hoàng P các Hợp đồng tín dụng, cụ thể như sau:

Hợp đồng tín dụng số 8544998.21 ngày 15/6/2021 với nội dung: Ngân hàng V1 cho bà Nguyễn Thị L1 và ông Vương Hoàng P vay số tiền 950.000.000 đồng; mục đích vay vốn: Bổ đắp vốn tự có nhận chuyển nhượng bất động sản tọa lạc tại thửa đất số 241, tờ bản đồ số 26 thuộc xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương; thời hạn vay: 324 tháng từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đến 25/6/2048. Lãi suất vay tại thời điểm giải ngân: 12,70%/năm. Lãi suất này sẽ được ngân hàng V1 chủ động điều chỉnh 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 4,3%/năm. Hoàn trả tín dụng gốc vào ngày 25 hàng tháng. Ngày trả lãi vào ngày 25 hàng tháng; kỳ trả đầu tiên 25/7/2021, mỗi kỳ trả 2.932.000 đồng, số còn lại trả vào cuối kỳ.

Ngày 25/6/2021, ngân hàng V1 đã giải ngân cho bà Nguyễn Thị L1 và ông Vương Hoàng P theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 8544998.21 với số tiền 950.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với hợp đồng tín dụng.

Đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế ký ngày 17/6/2021 với nội dung: Ngân hàng V1 cấp cho bà Nguyễn Thị L1 01 thẻ tín dụng hạn mức 30.000.000 đồng, lãi suất, phí theo Biểu phí và Điều khoản điều kiện Thẻ tín dụng từng thời kỳ.

Để bảo đảm cho khoản vay, bà Nguyễn Thị L1 và ông Vương Hoàng P đã thế chấp bằng: “Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 241, tờ bản đồ số 26 tọa lạc tại xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CY 048023, số vào sổ cấp GCN: CS03818 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 12/10/2020 đứng tên bà Huỳnh Thị Kim L2, cập nhật chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị L1 ngày 14/6/2021. Tài sản này được thế chấp tại VIB theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số công chứng: 06962, quyền

số: 06/2021 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Trần Thị Thanh M, tỉnh Bình Dương công chứng ngày 16/6/2021. Việc thế chấp và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

- Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Nguyễn Thị L1 và ông Vương Hoàng P đã vi phạm nội dung thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng; hợp đồng thế chấp đã ký, khoản vay đã quá hạn thanh toán từ ngày 26/6/2023 và đang xếp loại nợ nhóm 4 là nợ xấu theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 11/2021/TT-NHNN của Ngân hàng N1.

- Tính đến ngày 09/5/2024, bà Nguyễn Thị L1 và ông Vương Hoàng P đã trả cho ngân hàng V1 số tiền tổng cộng là 303.413.902 đồng; trong đó: Nợ gốc 67.436.000 đồng, nợ lãi 235.977.902 đồng và còn nợ ngân hàng V1 số tiền là: 1.108.309.661 đồng.

Nay Ngân hàng V1 yêu cầu Tòa giải quyết những nội dung sau: Buộc bà Nguyễn Thị L1 và ông Vương Hoàng P phải thanh toán ngay cho ngân hàng V1 số tiền tạm tính đến ngày 09/5/2024 là: 1.108.309.661 đồng. Bao gồm:

- Hợp đồng tín dụng số 8544998.21 ngày 15/6/2021 số tiền 1.031.815.588 đồng. Trong đó:

Nợ gốc là: 882.564.000 đồng;

Nợ lãi là: 106.509.092 đồng;

Nợ lãi quá hạn là: 42.742.496 đồng;

- Nợ thẻ tín dụng là: 76.494.073 đồng, trong đó:

Nợ gốc là: 43.527.748 đồng,

N lãi là: 12.693.285 đồng;

Phí là: 20.273.040 đồng.

Ngân hàng V1 được tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn kể từ ngày 10/5/2024 cho đến khi bà Nguyễn Thị L1 và ông Vương Hoàng P thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại các Hợp đồng tín dụng (HĐTD) đã ký.

Trong trường hợp bà Nguyễn Thị L1 và ông Vương Hoàng P không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng V1, đề nghị Tòa án tuyên ngân hàng V1 có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm, cụ thể là: “Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 241, tờ bản đồ số 26 tọa lạc tại xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CY 048023, số vào sổ cấp GCN: CS03818 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 12/10/2020 đứng tên bà Huỳnh Thị Kim L2, cập nhật chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị L1 ngày 14/6/2021. Tài sản này được thế chấp tại ngân hàng V1 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng: 06962, quyển số: 06/2021 TP/CC - SCC/HĐGD do Văn phòng C, tỉnh Bình Dương công chứng ngày 16/6/2021 và toàn bộ vật phụ, trang thiết bị

kèm theo và phân giá trị công trình, diện tích cải tạo, đầu tư xây dựng thêm gắn liền với diện tích nhà đất đã thế chấp để thu hồi nợ vay cho ngân hàng V1.

Bất kỳ sự thay đổi, sửa chữa, nâng cấp nào của bà Nguyễn Thị L1 và ông Vương Hoàng P đối với tài sản thế chấp làm tăng giá trị thực tế của tài sản thế chấp sẽ được coi là bộ phận không thể tách rời thuộc tài sản thế chấp để thu hồi nợ vay cho ngân hàng V1.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ cho bên vay vốn với ngân hàng V1. Trường hợp nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán hết nợ thì bên vay vốn vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho ngân hàng V1.

Trong bản tự khai, biên bản lấy lời khai của đương sự, biên bản hòa giải bị đơn bà Nguyễn Thị L1 trình bày:

Bà có vay tiền tại ngân hàng V1 vào 15/6/2021 đối với số tiền 950.000.000 đồng, thời hạn góp là 324 tháng, tiền gốc góp hàng tháng là 2.932.000 đồng và đề nghị phát hành thẻ tín dụng vào ngày 17/6/2021 với hạn mức 30.000.000 đồng. Hai bên có làm hợp đồng tín dụng; hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất với thửa đất số 241, tờ bản đồ số 26 tọa lạc tại xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương.

Mục đích bà vay tiền tại ngân hàng V1 để bổ sung vốn nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Hiện giờ bà còn nợ ngân hàng V1 tổng số tiền là 1.108.309.661 đồng.

Nay ngân hàng V1 khởi kiện ra Tòa án buộc bà và ông Vương Hoàng P phải thanh toán cho ngân hàng V1 tổng số tiền là 1.108.309.661 đồng, vợ chồng bà đồng ý trả cho ngân hàng V1 tổng số tiền là 1.108.309.661 đồng. Do hoàn cảnh làm ăn khó khăn, việc mua bán kinh doanh không được thuận lợi, bà mong muốn được bên phía ngân hàng V1 phát mãi đối với tài sản đảm bảo theo giá hợp lý.

Bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ngân hàng V1. Trường hợp, vợ chồng bà không có khả năng thanh toán số tiền nợ, vợ chồng bà đồng ý để Ngân hàng V1 tiến hành phát mãi tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 241, tờ bản đồ số 26 tọa lạc tại xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương.

Tuy nhiên, toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng V1. Trường hợp nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán hết nợ thì phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho ngân hàng V1 thì bà không đồng ý vì hiện tại tài sản thế chấp ngân hàng, bà không còn khả năng thanh toán nào nữa.

Bị đơn ông Vương Hoàng P được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần để làm việc, tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục và thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Nguyên đơn ngân hàng V1 và bị đơn bà Nguyễn Thị L1 và ông Vương Hoàng P có tranh chấp hợp đồng tín dụng, nhưng đến nay bà Nguyễn Thị L1 và ông Vương Hoàng P vẫn chưa trả cho ngân hàng V1. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ngân hàng V1 là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị L1 và ông Vương Hoàng P phải có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn ngân hàng V1 tổng số tiền 1.171.839.121 đồng (một tỷ một trăm bảy mươi một triệu tám trăm ba mươi chín nghìn một trăm hai mươi một đồng), trong đó: Tiền nợ gốc là 926.091.748 đồng (chín trăm hai mươi sáu triệu không trăm chín mươi chín đồng bảy trăm bốn mươi tám đồng), T2 lãi trong hạn là 106.509.092 đồng (một trăm lẻ sáu triệu năm trăm lẻ chín nghìn không trăm chín mươi hai đồng); tiền lãi quá hạn là 112.366.240 đồng (một trăm mười hai triệu ba trăm sáu mươi sáu nghìn hai trăm bốn mươi đồng), phí là 26.872.040 đồng (hai mươi sáu triệu tám trăm bảy mươi hai nghìn không trăm bốn mươi đồng).

- Trong trường hợp, bị đơn bà Nguyễn Thị L1 và ông Vương Hoàng P không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì ngân hàng V1 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ bao gồm: Thửa đất số 241, tờ bản đồ số 26 tọa lạc tại xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CY 048023, số vào sổ cấp GCN: CS03818 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 12/10/2020 đứng tên bà Huỳnh Thị Kim L2, cập nhật chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị L1 ngày 14/6/2021.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết:

[1.1] Về thời hiệu khởi kiện: Bị đơn bà Nguyễn Thị L1 và ông Vương Hoàng P vắng mặt, không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các đương sự không yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, hiện bị đơn bà Nguyễn Thị L1 và ông

Vương Hoàng P thường trú tại thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương và nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về việc vắng mặt của bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên hòa giải; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn bà Nguyễn Thị L1 và ông Vương Hoàng P, nhưng bà L1 và ông P vắng mặt trong các buổi hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên tòa sơ thẩm, ông P không gửi văn bản nêu ý kiến cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q. Do vậy, Tòa án căn cứ vào các Điều 5, 6, 91 và 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự để giải quyết vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

Ngân hàng TMCP Q đã ký với bà Nguyễn Thị L1 và ông Vương Hoàng P các hợp đồng tín dụng, cụ thể như sau: Hợp đồng tín dụng số 8544998.21 ngày 15/6/2021 với nội dung: Ngân hàng V1 cho bà Nguyễn Thị L1 và ông Vương Hoàng P vay số tiền 950.000.000 đồng (chín trăm năm mươi triệu đồng); mục đích vay vốn bù đắp vốn tự có nhận chuyển nhượng bất động sản tọa lạc tại thửa đất số 241, tờ bản đồ số 26 tọa lạc tại xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương; thời hạn vay 324 tháng từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đến 25/6/2048. Lãi suất vay tại thời điểm giải ngân: 12,70%/năm. Lãi suất này sẽ được ngân hàng V1 chủ động điều chỉnh 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 4,3%/năm. Hoàn trả tín dụng gốc vào ngày 25 hàng tháng. Ngày trả lãi vào ngày 25 hàng tháng; kỳ trả đầu tiên 25/7/2021; mỗi kỳ trả 2.932.000 đồng, số còn lại trả vào cuối kỳ. Ngày 25/6/2021, ngân hàng V1 đã giải ngân cho bà Nguyễn Thị L1 và ông Vương Hoàng P theo Đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 8544998.21 với số tiền 950.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với hợp đồng tín dụng. Đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế ký ngày 17/6/2021 với nội dung: Ngân hàng V1 cấp cho bà Nguyễn Thị L1 01 thẻ tín dụng hạn mức 30.000.000 đồng; lãi suất, phí theo Biểu phí và Điều khoản điều kiện Thẻ tín dụng từng thời kỳ.

Để bảo đảm cho khoản vay, bà Nguyễn Thị L1 và ông Vương Hoàng P đã thế chấp: “Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 241, tờ bản đồ số 26, tọa lạc tại xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CY 048023, số vào sổ cấp GCN: CS03818 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 12/10/2020 đứng tên bà Huỳnh Thị Kim L2, cập nhật chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị L1 ngày 14/6/2021. Tài sản này được thế chấp tại ngân hàng V1 và có đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai

huyện P theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng: 06962, quyền số: 06/2021 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Trần Thị Thanh M, tỉnh Bình Dương công chứng ngày 16/6/2021. Việc thế chấp và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Nguyễn Thị L1 và ông Vương Hoàng P đã vi phạm nội dung thỏa thuận tại HĐTD; HĐTC đã ký, khoản vay đã quá hạn thanh toán từ ngày 26/6/2023 và đang xếp loại nợ nhóm 4 là nợ xấu theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 11/2021/TT-NHNN của Ngân hàng N1. Tính đến ngày 09/5/2024, bà Nguyễn Thị L1 và ông Vương Hoàng P đã trả cho ngân hàng V1 số tiền tổng cộng là 303.413.902 đồng (trong đó: Nợ gốc 67.436.000 đồng, nợ lãi 235.977.902 đồng) và còn nợ ngân hàng V1 số tiền là: 882.564.000 đồng (tám trăm tám mươi hai triệu năm trăm sáu mươi bốn nghìn đồng) và nợ thẻ tín dụng gốc là 43.527.748 đồng (bốn mươi ba triệu năm trăm hai mươi bảy nghìn bảy trăm bốn mươi tám đồng).

[4] Xét về hợp đồng tín dụng: Ngân hàng TMCP Q - Chi nhánh S theo Điều lệ của Ngân hàng TMCP Q được quyền ký kết các hợp đồng tín dụng nhân danh Ngân hàng TMCP Q với bà Nguyễn Thị L1 và ông Vương Hoàng P nên Hợp đồng tín dụng số: 8544998.21 ngày 15/6/2021 là hợp pháp. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Nguyễn Thị L1 và ông Vương Hoàng P không thực hiện việc thanh toán trả nợ gốc, nợ lãi theo đúng thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết, nên Ngân hàng TMCP Q đã khởi kiện ra Tòa án, yêu cầu bà Nguyễn Thị L1 và ông Vương Hoàng P phải thanh toán số tiền nợ gốc và nợ lãi trên là có căn cứ.

[5] Về số nợ gốc: Theo Hợp đồng tín dụng số: 8544998.21 ngày 15/6/2021, Ngân hàng TMCP Q cho bà Nguyễn Thị L1 và ông Vương Hoàng P vay số tiền 950.000.000 đồng (chín trăm năm mươi triệu đồng) và nợ thẻ tín dụng hạn mức 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng). Tính đến ngày 09/5/2024, bà Nguyễn Thị L1 và ông Vương Hoàng P còn lại số tiền gốc là 882.564.000 đồng (tám trăm tám mươi hai triệu năm trăm sáu mươi bốn nghìn đồng) và nợ thẻ tín dụng gốc là 43.527.748 đồng (bốn mươi ba triệu năm trăm hai mươi bảy nghìn bảy trăm bốn mươi tám đồng). Nay Ngân hàng TMCP Q yêu cầu bà Nguyễn Thị L1 và ông Vương Hoàng P phải trả nợ gốc 882.564.000 đồng (tám trăm tám mươi hai triệu năm trăm sáu mươi bốn nghìn đồng) và nợ thẻ tín dụng gốc là 43.527.748 đồng (bốn mươi ba triệu năm trăm hai mươi bảy nghìn bảy trăm bốn mươi tám đồng) là có căn cứ.

[6] Về nợ lãi: Ngân hàng TMCP Q yêu cầu bà Nguyễn Thị L1 và ông Vương Hoàng P phải thanh toán số tiền lãi tạm tính đến ngày 05/8/2024 là 245.747.372 đồng (hai trăm bốn mươi lăm triệu bảy trăm bốn mươi bảy nghìn ba trăm bảy mươi hai đồng), trong đó: Tiền lãi trong hạn là 106.509.092 đồng (một trăm lẻ sáu triệu năm trăm lẻ chín nghìn không trăm chín mươi hai đồng); tiền lãi quá hạn là 112.366.240 đồng (một trăm mười hai triệu ba trăm sáu mươi

sáu nghìn hai trăm bốn mươi đồng), phí là 26.872.040 đồng (hai mươi sáu triệu tám trăm bảy mươi hai nghìn không trăm bốn mươi đồng).

Ngân hàng TMCP Q yêu cầu được tiếp tục tính lãi trên số nợ gốc kể từ ngày 06/8/2024 đến thời điểm bà Nguyễn Thị L1 và ông Vương Hoàng P thanh toán xong nợ gốc theo thỏa thuận của các bên trong Hợp đồng tín dụng số: 8544998.21 ngày 15/6/2021 là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về tài sản đảm bảo cho khoản vay tại Hợp đồng tín dụng số: 8544998.21 ngày 15/6/2021, Ngân hàng TMCP Q đề nghị được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp trong trường hợp bà Nguyễn Thị L1 và ông Vương Hoàng P không thanh toán được các khoản nợ gốc, nợ lãi nêu trên. Tài sản đảm bảo bao gồm: Thửa đất số 241, tờ bản đồ số 26 tọa lạc tại xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CY 048023, số vào sổ cấp GCN: CS03818 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 12/10/2020 đứng tên bà Huỳnh Thị Kim L2, cập nhật chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị L1 ngày 14/6/2021. Việc thế chấp tài sản nêu trên đều được những chủ sử dụng, sở hữu hợp pháp đứng ra thế chấp và việc thế chấp đăng ký giao dịch bảo đảm được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 298, Điều 317 và Điều 319 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo tham gia phiên tòa là có căn cứ và phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 800.000 đồng (tám trăm nghìn đồng). Theo quy định tại các Điều 157, Điều 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải nộp chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo quy định của pháp luật.

[10] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm cho yêu cầu khởi kiện được chấp nhận của nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 5, Điều 6, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92 và các Điều 147, 157, 158, 184, 227, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 117, 299, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 463, 466 của Bộ luật Dân sự;

- Điều 167, 179, 188 của Luật đất đai 2013;
- Các Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017;
- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;
- Các Điều 2, 6, 7, 9 và 30 của Luật Thi hành án dân sự;
- Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q đối với bị đơn bà Nguyễn Thị L1 và ông Vương Hoàng P về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

2. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị L1 và ông Vương Hoàng P phải có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q tổng số tiền 1.171.839.121 đồng (một tỷ một trăm bảy mươi một triệu tám trăm ba mươi chín nghìn một trăm hai mươi một đồng), trong đó: Tiền nợ gốc là 926.091.748 đồng (chín trăm hai mươi sáu triệu không trăm chín mươi chín đồng bảy trăm bốn mươi tám đồng), tiền lãi trong hạn là 106.509.092 đồng (một trăm lẻ sáu triệu năm trăm lẻ chín nghìn không trăm chín mươi hai đồng); tiền lãi quá hạn là 112.366.240 đồng (một trăm mười hai triệu ba trăm sáu mươi sáu nghìn hai trăm bốn mươi đồng), phí là 26.872.040 đồng (hai mươi sáu triệu tám trăm bảy mươi hai nghìn không trăm bốn mươi đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 05/8/2024, bà Nguyễn Thị L1 và ông Vương Hoàng P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: 8544998.21 ngày 15/6/2021 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Q và bà Nguyễn Thị L1, ông Vương Hoàng P cho đến khi thanh toán xong. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bị đơn đã tất toán hết số tiền nợ gốc, các loại lãi phát sinh đến ngày thanh toán thì nguyên đơn có nghĩa vụ hoàn trả toàn bộ bản chính các giấy tờ tài sản thế chấp cho bị đơn.

Trong trường hợp bị đơn bà Nguyễn Thị L1 và ông Vương Hoàng P không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP Q có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ bao gồm: Thửa đất số 241, tờ bản đồ số 26 toạ lạc

tại xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CY 048023, số vào sổ cấp GCN: CS03818 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 12/10/2020 đứng tên bà Huỳnh Thị Kim L2, cập nhật chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị L1 ngày 14/6/2021.

Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản thế chấp đã thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ của bị đơn mà vẫn còn dư thì bị đơn bà Nguyễn Thị L1 và ông Vương Hoàng P được nhận lại số tiền này.

Trường hợp sau khi phát mại tài sản đảm bảo mà không đủ trả tiền nợ gốc, tiền nợ lãi có liên quan thì bị đơn bà Nguyễn Thị L1 và ông Vương Hoàng P có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q cho đến khi trả xong.

3. Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị L1 và ông Vương Hoàng P phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 800.000 đồng (tám trăm nghìn đồng). Do Ngân hàng TMCP Q đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, Bà Nguyễn Thị L1 và ông Vương Hoàng P có trách nhiệm phải trả lại cho Ngân hàng TMCP Q số tiền 800.000 đồng (tám trăm nghìn đồng).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Bà Nguyễn Thị L1 và ông Vương Hoàng P phải nộp số tiền 47.155.174 đồng (bốn mươi bảy triệu một trăm năm mươi lăm nghìn một trăm bảy mươi bốn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4.2. Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q số tiền 21.884.000 đồng (hai mươi một triệu tám trăm tám mươi bốn nghìn đồng) tạm ứng án phí do nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003074 ngày 21 tháng 3 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Hữu Lâm